

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1. Thông tin chung

Tên ngành đăng ký:	Quản lý đất đai
Tên chương trình:	Tiếng Việt: Quản lý đất đai Tiếng Anh: Land Management
Mã số:	8850103
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Định hướng đào tạo:	Ứng dụng/ Nghiên cứu
Bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ Quản lý đất đai (đối với định hướng ứng dụng) Thạc sĩ khoa học Quản lý đất đai (đối với định hướng nghiên cứu)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý đất đai theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhập và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành, tăng cường kiến thức liên ngành; có trình độ chuyên môn sâu về lý luận, phương pháp luận trong lĩnh vực khoa học Quản lý và sử dụng đất đai trong tình hình mới, hội nhập kinh tế quốc tế, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực quản lý đất đai và kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo; có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, khoa học kỹ thuật của đất nước; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Theo định hướng ứng dụng:

Mục tiêu cụ thể (POs)	Nội dung
PO1	Nắm chắc những lý luận, phương pháp luận về khoa học quản lý đất đai, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất. Kiến thức cơ bản về chính sách, pháp luật đất đai, công nghệ quản lý đất đai hiện đại, quản lý thị trường bất động sản.
PO2	Người học có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn trong công tác quản lý đất đai, đầu tư kinh doanh bất động sản và đề xuất phương án giải quyết; Có khả năng tiếp cận xây dựng hệ thống quản lý đất đai hiện đại, xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Thành thạo kỹ năng chuyên sâu trong ngành Quản lý đất đai; kết hợp chuyên môn ngành Quản lý đất đai với chuyên môn các ngành có liên quan trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; Có kỹ năng hoạch định các chính sách, chiến lược trong quản lý đất đai.

Mục tiêu cụ thể (POs)	Nội dung
PO3	Người học có ý thức học tập suốt đời, có tác phong và thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa quốc gia, có ý thức trách nhiệm với bản thân, cộng đồng xã hội trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

b) Theo định hướng nghiên cứu:

Mục tiêu cụ thể (POs)	Nội dung
PO1	Nắm chắc những lý luận, phương pháp luận về khoa học quản lý đất đai, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất. Kiến thức cơ bản về chính sách, pháp luật đất đai, công nghệ quản lý đất đai hiện đại, quản lý thị trường bất động sản.
PO2	Người học có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn trong công tác quản lý đất đai, đầu tư kinh doanh bất động sản và đề xuất phương án giải quyết; Có khả năng tiếp cận xây dựng hệ thống quản lý đất đai hiện đại, xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Thành thạo kỹ năng chuyên sâu trong ngành Quản lý đất đai; kết hợp chuyên môn ngành Quản lý đất đai với chuyên môn các ngành có liên quan trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; Có kỹ năng hoạch định các chính sách, chiến lược trong quản lý đất đai.
PO3	Người học có ý thức học tập suốt đời, có tác phong và thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa quốc gia, có ý thức trách nhiệm với bản thân, cộng đồng xã hội trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

3. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

4.1. Mô tả chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Chỉ số thực hiện (PIs)
Kiến thức	
PLO 1: Vận dụng (Apply) các kiến thức cơ bản và những kỹ thuật mang tính cập nhật cao trong lĩnh vực Quản lý đất đai để có thể phát triển	PI 1.1. Vận dụng (Apply) được thể giới quan, phương pháp luận triết học trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện công việc. Có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, tổng hợp các kiến thức chuyên môn và phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học để phát hiện và giải quyết các vấn đề

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Chỉ số thực hiện (PIs)
kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có tư duy phản biện; có kiến thức tổng hợp về khoa học quản lý đất đai, sử dụng và bảo vệ môi trường đất; Phân tích, đánh giá chiến lược chính sách đất đai; Thiết kế và triển khai tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Quản lý đất đai; Nghiên cứu quản lý và sử dụng đất, tích hợp với chuyên môn các ngành có liên quan trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.	mới có ý nghĩa về mặt khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực quản lý đất đai tại Việt Nam và trên thế giới I 1.2. Vận dụng (Apply) phương pháp nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn. có khả năng lãnh đạo hướng dẫn các nhóm nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngành Quản lý đất đai.
PLO 2: Tổng hợp (Synthesize) Cung cấp những lý luận, phương pháp luận về khoa học quản lý đất đai, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất.	PI 2.1. Tổng hợp (Synthesize) được các kiến thức chuyên sâu về quản lý, sử dụng đất để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản lý đất đai. PI 2.2. Tổng hợp (Synthesize) được các kiến thức tiên tiến về quản lý, sử dụng đất để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản lý đất đai.
PLO 3: Đánh giá (Evaluate) Cung cấp kiến thức cơ bản về chính sách, pháp luật đất đai, công nghệ quản lý đất đai hiện đại, cơ sở dữ liệu đất đai, quản lý thị trường bất động sản.	PI 3.1. Đánh giá (Evaluate) các phương pháp kỹ thuật, công nghệ nhằm đo lường tính hiệu quả trong quản lý đất đai. PI 3.2. Đánh giá (Evaluate) các phương pháp, quy trình kỹ thuật, công nghệ nhằm đề xuất các phương án quản lý đất đai tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.
Kỹ năng	
PLO 4: Sử dụng thành thạo (Perfect) kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm để học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập toàn cầu.	PI 4.1. Sử dụng thành thạo (Perfect) kỹ năng ngoại ngữ để học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập toàn cầu. PI 4.2. Sử dụng thành thạo (Perfect) các kỹ năng mềm có được trong quá trình học tập để ứng dụng trong công việc thực tiễn và trong nghiên cứu.
PLO 5: Thực hiện (Implement) Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn trong công tác quản lý đất đai, đầu tư kinh doanh bất động sản và đề xuất phương án giải quyết. Có khả năng tiếp cận xây dựng hệ thống quản lý đất đai hiện đại, xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Giải quyết sáng tạo và hiệu quả các vấn đề phức tạp trong công tác quản lý, sử dụng đất đai đối với một vùng lãnh thổ cụ thể.	PI 5.1. Thực hiện (Implement) Thành thạo kỹ năng chuyên sâu trong ngành Quản lý đất đai; kết hợp chuyên môn ngành Quản lý đất đai với chuyên môn các ngành có liên quan trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; PI 5.2. Thực hiện (Implement) Có kỹ năng hoạch định các chính sách, chiến lược trong quản lý đất đai.

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Chỉ số thực hiện (PIs)
Đánh giá thực trạng và những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, sử dụng đất đai và thị trường bất động sản. Độc lập nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để cải tiến chính sách và công nghệ trong lĩnh vực quản lý đất đai.	
PLO 6: Đề xuất (Propose) các giải pháp trên cơ sở khoa học, phù hợp với nguồn lực, bối cảnh thực tiễn và chiến lược phát triển của tổ chức.	PI 6.1. Đề xuất (Propose) các giải pháp trên cơ sở khoa học, phù hợp với nguồn lực và bối cảnh thực tiễn của tổ chức. PI 6.2. Đề xuất (Propose) các giải pháp trên cơ sở khoa học, phù hợp với chiến lược phát triển của tổ chức.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO 7: Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường đa văn hóa, có ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.	PI 7.1. Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường đa văn hóa. PI 7.2. Hình thành (Perform) ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.

4.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

STT	PLO, Học phần	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	Các học phần học chung														
1	Triết học	A,M		R,A											
	Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu														
2	Tin học trong quản lý đất đai	A,M		M			R,A								
3	Trắc địa nâng cao	A	M						R,A		M,A				
4	Ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai	A			M			M				M	M		
5	Hệ thống pháp luật về quản lý đất đai	A	M		M			M				M			R
6	Tài chính đất đai	A	M		M	A			R	M			M		R
7	Quy hoạch không gian	A,M					M								
8	Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai	A,M			M		M			M		R			
9	Thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin đất đai	A,M		M		M			M				M		
10	Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu thông tin đất đai	A	M		M			M			M		M		R
	Các học phần tự chọn														
11	Quản lý thị trường bất động sản	M			M		M				M				R
12	Các phương pháp trắc địa và bản đồ trong quản lý đất đai	I,A		M				M				M			
13	Phong thủy và sinh thái cảnh quan		I,M		M		I,M			M				M	I,R
14	Ứng dụng mô hình toán trong quy hoạch sử dụng đất	M		M		M		M		M			M		

STT	PLO, Học phần	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	Đề án tốt nghiệp/ Luận văn thạc sĩ														
32	Thực tập tốt nghiệp	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	A,M	A,M	M,A	M,A	M,A	M,A	M
32	Đề án tốt nghiệp	A,M	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	A,M	A,M	M,A	M,A	M,A	M,A	M
32	Luận văn thạc sĩ	A,M	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	A,M	A,M	M,A	M,A	M,A	M,A	M

Mức I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu.

Mức R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức giới thiệu/bắt đầu.

Mức M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học đạt được PLO ở mức thành thực/thành thạo.

Học phần cốt lõi A (Assessed): là học phần bắt buộc có ý nghĩa tiên quyết đối với ngành đào tạo chính trong một chương trình, cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức người học đạt được PLO/PI. Trong bảng ma trận, học phần cốt lõi được ký hiệu M,A hoặc R,A hoặc I,A.

5. Chương trình đào tạo

5.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

Khối lượng kiến thức: - Theo định hướng ứng dụng: 60 TC

-Theo định hướng nghiên cứu: 60 TC

Thời gian đào tạo: 1,5 - 2,0 năm đối với hình thức đào tạo chính quy và 2,5 năm đối với hình thức vừa làm vừa học.

5.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Nội dung		Định hướng ứng dụng (60TC)	Định hướng nghiên cứu (60TC)
Phần 1. Nhóm các học phần bắt buộc	Học phần học chung	3	3
	Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu	24	20
Phần 2. Nhóm các học phần tự chọn		18	22
Phần 3. Thực tập + Đề án tốt nghiệp hoặc Luận văn thạc sĩ		15	15
TỔNG SỐ		60	60

6. Khối lượng kiến thức

TT	Mã số	Tên các học phần		Định hướng ứng dụng (60TC)			Định hướng nghiên cứu (60TC)
		Tên tiếng Việt	Tên Tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TN, TL	
6.1	Nhóm các học phần bắt buộc			27			23
6.1.1	<i>Các học phần học chung</i>			3			3
1	8020101	Triết học	Philosophy	3	3	0	3
6.1.2	<i>Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu</i>			24			20
2	8050618	Tin học trong quản lý đất đai	Informatics in Land Management	3	2	1	3
3	8050409	Trắc địa nâng cao	Advanced Surveying	2	2	0	-
4	8050316	Ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai	Application of Remote Sensing GIS for Land Administration	2	1.5	0.5	-
5	8050615	Hệ thống pháp luật về quản lý đất đai	Legal System of Land Management	3	2.5	0.5	3
6	8050614	Tài chính đất đai	Land Finance	3	2	1	3
7	8050616	Quy hoạch không	Spatial Planning	3	2	1	3

		gian					
8	8050605	Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai	System of Land Change Updating Management	3	2	1	3
9	8050606	Thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin đất đai	Design and Construction of Land Information Systems	2	2	0	2
10	8050603	Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu thông tin đất đai	Land Data Standard and Standardisation	3	2.5	0.5	3
6.2	Nhóm các học phần tự chọn và chuyên đề NCKH			18			22
6.2.1	Các học phần tự chọn		Elective Modules	18			10
11	8050617	Quản lý thị trường bất động sản	System Management of Estate Market	2	1.5	0.5	2
12	8050601	Các phương pháp trắc địa và bản đồ trong quản lý đất đai	Geomatic methods for Land Administration	3	2	1	3
13	8050612	Phong thủy và sinh thái cảnh quan	Feng shui and ecology landscape	2	1.5	0.5	2
14	8050608	Ứng dụng mô hình toán trong quy hoạch sử dụng đất	Application of Mathematical Model in Land Use Planning	3	2	1	3
15	8050602	Mô hình hóa và phân tích dữ liệu không gian	Spatial modeling and analysis.	3	3	0	3
16	8050619	Phân tích chính sách đất đai	Land policy analysis	2	1	1	2
17	8050613	Quản lý địa giới hành chính	Management of Administrative Boundaries	2	1	1	2
18	8050620	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu	Multipurpose Land Database	3	2	1	3
19	8050611	Hệ thống quản lý đất đai hiện đại	Modern Land Management System	2	2	0	2
20	8050604	Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS	Network solutions in GIS	3	2	1	3
21	8050621	Sử dụng đất nông nghiệp bền vững	Sustainable for Agricultural Land Use	3	2	1	3
22	8050219	Ứng dụng hệ thống	Application of Global	2	2	0	2

		định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	Navigation Satellite System in Land Administration				
23	8050116	Quản lý và giám sát các công trình xây dựng trong sử dụng đất	Management and Supervision of Construction works in Land Use	2	2	0	2
24	8050718	GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	Application of GIS in Land management	2	2	0	2
25	8050110	Ứng dụng công nghệ trạm Cors trong trắc địa công trình	Applications of CORS station in engineering surveying	3	3	0	3
26	8050106	Mô hình số địa hình và ứng dụng trong trắc địa công trình	Digital terrain model and application in Engineering Surveying	3	3	0	3
27	8050104	Trắc địa công trình biển	Maritime engineering surveying	3	3	0	3
6.2.2	Các chuyên đề NCKH		Specialized Scientific Research Modules	0			12
28	8050624	Cơ sở dữ liệu đất đai	Land Database	0			3
29	8050625	Chính sách đất đai	Land Policy	0			3
30	8050626	AI và dữ liệu lớn trong quản lý đất đai	AI and Big Data in Land Management	0			3
31	8050627	Các nguồn lực kinh tế tài nguyên đất	Economic Resources of Land	0			3
6.3	8050622	Đề án tốt nghiệp/ Luận văn thạc sĩ	Project Thesis / Master's Thesis	15			15
32	8050622	Thực tập tốt nghiệp	Internship for Graduation	6			0
32	8050622	Đề án tốt nghiệp	Project Thesis	9			0
32	8050622	Luận văn thạc sĩ	Master's Thesis	0			15
		Tổng		60			60

7. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã số	Tên các học phần		Định hướng ứng dụng (60 TC)			Định hướng nghiên cứu (60 TC)			Học kỳ
		Tên tiếng Việt	Tên Tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TN, TL	Tổng	LT	TH, TN, TL	
7.1	Nhóm các học phần bắt buộc			27			23			
7.1.1	Các học phần học chung			3			3			
1	8020101	Triết học	Philosophy	3	3	0	3	3	0	I
7.1.2	Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu			24			20			
2	8050618	Tin học trong quản lý đất đai	Informatics in Land Management	3	2	1	3	2	1	I
3	8050409	Trắc địa nâng cao	Advanced Surveying	2	2	0	0	0	0	I
4	8050316	Ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai	Application of Remote Sensing GIS for Land Administration	2	1.5	0.5	0	0	0	II
5	8050615	Hệ thống pháp luật về quản lý đất đai	Legal System of Land Management	3	2.5	0.5	3	2.5	0.5	I
6	8050614	Tài chính đất đai	Land Finance	3	2	1	3	2	1	II
7	8050616	Quy hoạch không gian	Spatial Planning	3	2	1	3	2	1	II
8	8050605	Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai	System of Land Change Updating Management	3	2	1	3	2	1	II
9	8050606	Thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin đất đai	Design and Construction of Land Information Systems	2	2	0	2	2	0	I
10	8050603	Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu thông tin đất đai	Land Data Standard and Standardisation	3	2.5	0.5	3	2.5	0.5	II
7.1.3	Các học phần tự chọn			18/34			22/34			

TT	Mã số	Tên các học phần		Định hướng ứng dụng (60 TC)			Định hướng nghiên cứu (60 TC)			Học kỳ
		Tên tiếng Việt	Tên Tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TN, TL	Tổng	LT	TH, TN, TL	
11	8050617	Quản lý thị trường bất động sản	System Management of Estate Market	2	1	1	2	1	1	I
12	8050601	Các phương pháp trắc địa và bản đồ trong quản lý đất đai	Geomatic methods for Land Administration	3	2	1	3	2	1	I
13	8050612	Phong thủy và sinh thái cảnh quan	Feng shui and ecology landscape	2	1.5	0.5	2	1.5	0.5	II
14	8050608	Ứng dụng mô hình toán trong quy hoạch sử dụng đất	Application of Mathematical Model in Land Use Planning	3	2	1	3	2	1	II
15	8050602	Mô hình hóa và phân tích dữ liệu không gian	Spatial modeling and analysis.	3	2.5	0.5	3	2.5	0.5	II
16	8050619	Phân tích chính sách đất đai	Land policy analysis	2	1	1	2	1	1	I
17	8050613	Quản lý địa giới hành chính	Management of Administrative Boundaries	2	1	1	2	1	1	I
18	8050620	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu	Multipurpose Land Database	3	2	1	3	2	1	II
19	8050611	Hệ thống quản lý đất đai hiện đại	Modern Land Management System	2	1.5	0.5	2	1.5	0.5	II
20	8050604	Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS	Network solutions in GIS	3	2	1	3	2	1	I
21	8050621	Sử dụng đất nông nghiệp bền vững	Sustainable for Agricultural Land Use	3	2	1	3	2	1	I
22	8050219	Ứng dụng hệ thống định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	Application of Global Navigation Satellite System in Land Administration	2	2	0	2	2	0	II

TT	Mã số	Tên các học phần		Định hướng ứng dụng (60 TC)			Định hướng nghiên cứu (60 TC)			Học kỳ
		Tên tiếng Việt	Tên Tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TN, TL	Tổng	LT	TH, TN, TL	
23	8050111	Quản lý và giám sát các công trình xây dựng trong sử dụng đất	Management and Supervision of Construction works in Land Use	2	2	0	2	2	0	II
24	8050718	GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	Application of GIS in Land management	2	2	0	2	2	0	I
25	8050110	Ứng dụng công nghệ trạm Cors trong trắc địa công trình	Applications of CORS station in engineering surveying	3	3	0	3	3	0	I
26	8050106	Mô hình số địa hình và ứng dụng trong trắc địa công trình	Digital terrain model and application in Engineering Surveying	3	3	0	3	3	0	II
27	8050104	Trắc địa công trình biển	Maritime engineering surveying	3	3	0	3	3	0	II
7.1.4	Các chuyên đề NCKH		Specialized Scientific Research Modules					12		II
28	8050624	Cơ sở dữ liệu đất đai	Land Database					3	0	II
29	8050625	Chính sách đất đai	Land Policy					3	0	II
30	8050626	AI và dữ liệu lớn trong quản lý đất đai	AI and Big Data in Land Management					3	0	II
31	8050627	Các nguồn lực kinh tế tài nguyên đất	Economic Resources of Land					3	0	II
7.1.5	8050622	Đề án tốt nghiệp/Luận văn thạc sĩ	Project thesis/ Master's Thesis	15			15			III
32	8050622	Thực tập tốt nghiệp	Internship for Graduation	6						III

TT	Mã số	Tên các học phần		Định hướng ứng dụng (60 TC)			Định hướng nghiên cứu (60 TC)			Học kỳ
		Tên tiếng Việt	Tên Tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TN, TL	Tổng	LT	TH, TN, TL	
32	8050622	Đề án tốt nghiệp	Project Thesis	9						III
32	8050622	Luận văn thạc sĩ	Master's Thesis	15			15			III
		Tổng		60		60			60	

TRƯỞNG KHOA
TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QLDD



PGS.TS. Lê Đức Tình

TRƯỞNG BỘ MÔN ĐỊA CHÍNH



TS. Nguyễn Thị Kim Yến

HIỆU TRƯỞNG




GS.TS. Trần Thanh Hải